

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 78

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó chủ tịch thường trực	
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch	miễn nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên	
Ông Henry Chung	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017
Ông See Beow Tean	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngử	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 miễn nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2017
	Giám đốc Khối Kỹ thuật Sản xuất	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 2	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
	Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Đức Tôn	Giám đốc Nhà máy	
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Ông Lê Huy Thành	Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 1	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hòa	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 3	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Trần Huy Hào	Giám đốc Điều hành Trung tâm Thương mại TTC Plaza Tây Ninh	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Giám đốc Hỗ trợ	
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật	miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hồng Dương.

Ông Nguyễn Thanh Ngử được Ông Phạm Hồng Dương ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định số 31/2017/QĐ – CT.HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

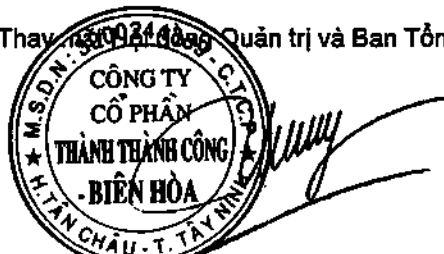
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc: 



Đặng Huỳnh Ốc My
Thành viên Hội đồng Quản trị
Giấy Ủy quyền số 18/2017/GUQ-TTCS

Ngày 14 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 61248763/19833928/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 14 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.519.097.440.343	4.472.667.304.183
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	446.967.192.675	202.593.033.644
111	1. Tiền		254.717.192.675	202.593.033.644
112	2. Các khoản tương đương tiền		192.250.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		338.521.586.185	112.385.986.079
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	96.700.366.140	115.587.852.769
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(6.478.779.955)	(3.701.866.690)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	248.300.000.000	500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.594.722.641.602	2.067.763.576.522
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.1	1.700.203.954.481	562.526.221.534
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.2	2.431.354.225.778	1.161.739.185.942
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	1.020.042.000.000	285.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	521.723.783.122	97.453.892.875
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8, 10	(78.601.321.779)	(39.755.723.829)
140	IV. Hàng tồn kho	11	2.589.756.660.809	1.958.094.882.102
141	1. Hàng tồn kho		2.592.608.859.548	1.959.735.521.352
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.852.198.739)	(1.640.639.250)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		549.129.359.072	131.829.825.836
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	470.080.954.305	63.048.737.092
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.038.670.939	1.097.290.925
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		69.009.733.828	67.683.797.819

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.333.912.753.502	3.333.549.293.991
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		630.128.691.404	247.604.257.836
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	8.2	144.556.594.867	87.265.337.933
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		-	200.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	485.572.096.537	160.138.919.903
220	II. Tài sản cố định		4.729.939.807.557	1.442.294.352.074
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.407.846.048.759	1.223.071.433.345
222	Nguyên giá		8.107.074.183.260	3.148.451.311.003
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.699.228.134.501)	(1.925.379.877.658)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	124.022.756.332	62.692.225.631
225	Nguyên giá		151.725.361.276	73.767.448.385
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.702.604.944)	(11.075.222.754)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	198.071.002.466	156.530.693.098
228	Nguyên giá		234.596.078.720	172.777.949.697
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.525.076.254)	(16.247.256.599)
230	III. Bất động sản đầu tư	16	138.506.884.358	131.118.256.994
231	1. Nguyên giá		156.873.157.259	138.061.019.789
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(18.366.272.901)	(6.942.762.795)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		410.256.619.844	78.656.574.346
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	410.256.619.844	78.656.574.346
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	18	723.646.457.257	1.372.916.355.311
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	189.248.116.977	1.372.916.355.311
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	535.168.402.664	770.062.384
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(770.062.384)	(770.062.384)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.701.434.293.082	60.959.497.430
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.428.470.152.861	44.416.155.370
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	33.3	7.038.277.514	573.205.126
269	3. Lợi thế thương mại	19	265.925.862.707	15.970.136.934
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.853.010.193.845	7.806.216.598.174

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.717.361.610.361	4.692.717.742.777
310	I. Nợ ngắn hạn		7.470.242.607.874	3.169.470.067.090
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	697.043.373.967	125.823.866.896
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	200.017.641.799	90.045.951.574
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	72.085.316.482	16.881.858.042
314	4. Phải trả người lao động		29.963.134.213	8.634.282.071
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	330.486.012.083	54.505.220.916
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.704.860.932	3.466.732.320
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	84.309.019.850	7.293.806.406
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	5.920.927.701.833	2.849.665.687.097
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		3.451.561.500	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		126.253.985.215	13.152.661.768
330	II. Nợ dài hạn		3.247.119.002.487	1.523.247.675.687
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		15.130.876.043	15.600.295.440
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	6.627.280.960	6.338.567.960
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	3.132.291.177.434	1.501.308.812.287
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	91.069.668.050	-
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.000.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.135.648.583.484	3.113.498.855.397
410	I. Vốn chủ sở hữu		7.135.648.583.484	3.113.498.855.397
411	1. Vốn cổ phần	26.1	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	6.243.045.915.565	75.894.194.065
414	3. Phụ trội hợp nhất	26.1	(5.412.931.424.715)	-
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	(52.383.943.646)	6.812.245.007
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	69.863.681.464	39.217.460.174
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	611.413.213.512	447.942.629.859
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		356.583.135.513	111.025.631.641
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		254.830.077.999	336.916.998.218
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	106.454.411.304	11.749.646.292
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.853.010.193.845	7.806.216.598.174

Nguyễn Ngọc Hân
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	5.484.366.912.773	2.097.398.777.940
02	2. Các khoản giảm trừ	28.1	(15.797.560.780)	(773.971.495)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	5.468.569.351.993	2.096.624.806.445
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(4.860.338.890.191)	(1.807.399.005.862)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		608.230.461.802	289.225.800.583
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	433.951.276.222	97.843.812.692
22	7. Chi phí tài chính	30	(423.949.942.517)	(138.832.827.075)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(384.025.508.605)	(118.770.981.286)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		57.633.908.456	39.851.946.622
25	9. Chi phí bán hàng	31	(149.857.480.156)	(29.661.807.223)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(217.227.665.853)	(67.670.882.840)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		308.780.557.954	190.756.042.759
31	12. Thu nhập khác		33.561.847.972	6.308.613.213
32	13. Chi phí khác		(15.007.355.853)	(3.647.828.564)
40	14. Lợi nhuận khác		18.554.492.119	2.660.784.649
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		327.335.050.073	193.416.827.408
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.2	(70.804.665.431)	(18.674.014.297)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.3	2.608.723.815	(816.767.371)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		259.139.108.457	173.926.045.740
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		254.945.077.999	174.471.747.289
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.194.030.458	(545.701.549)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.4	503	615
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.4	803	615

Nguyễn Ngọc Hân
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		327.335.050.073	193.416.827.408
	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13,14,15,16,19	311.182.468.088	97.892.673.217
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		25.069.762.202	(4.399.842.936)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.841.006.561 (427.873.239.451)	(865.580.574) (132.668.244.703)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	30	384.025.508.605	118.770.981.286
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		621.580.556.078	272.146.813.698
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		428.395.078.191	(741.682.198.290)
10	Giảm hàng tồn kho		1.685.995.639.895	408.091.244.044
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(80.507.715.303)	357.933.591.959
12	Tăng chi phí trả trước		(436.120.675.573)	(136.368.302.056)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		51.076.398.399	11.506.717.668
14	Tiền lãi vay đã trả		(241.150.864.774)	(119.972.922.562)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(34.242.323.622)	(25.762.034.265)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.589.283.851)	(20.924.414.698)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.993.436.809.440	4.968.495.498
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(233.452.476.381)	(76.681.726.623)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		7.239.716.473	5.961.160.281
23	Tiền chi cho vay		(297.550.000.000)	(928.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		461.250.000.000	656.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(302.495.280.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		134.748.041.555	228.380.722.544
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		48.042.452.806	33.388.947.326
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		120.277.734.453	(384.246.176.472)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	107.097.422.535
33	Tiền thu từ đi vay		6.244.971.473.637	2.728.971.357.928
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.098.344.306.076)	(2.845.168.524.083)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(16.341.288.417)	(4.581.414.540)
36	Cổ tức đã trả	26.2	-	(60.150.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.869.714.120.856)	(13.741.308.810)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		244.000.423.037	(393.018.989.784)
60	Tiền đầu kỳ		202.593.033.644	855.375.120.630
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		373.735.994	(99.687.295)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	446.967.192.675	462.256.443.551



Nguyễn Ngọc Hân
Người lập



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngủ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.171 (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.367).

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 20 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Còn Thành Thành Công	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	Đang hoạt động	90
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	Đang hoạt động	100
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	Đang hoạt động	100
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	Đang hoạt động	100
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100
Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất và chế biến nước ngọt, nước trái cây và sữa đậu nành; sản xuất nước tinh khiết đóng chai	Đang hoạt động	100
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho	Đang hoạt động	100

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 20 công ty con như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	Đang hoạt động	100
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh đường, sản và cao su	Đang hoạt động	82
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đường, trồng cây mía, trồng cây lấy củ có chất bột, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp thực phẩm và bán buôn tổng hợp	Đang hoạt động	73
Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (từ gỗ, tre, nứa) và đồng vật sống, bán buôn thực phẩm, trồng cao su, sản xuất và bán buôn các sản phẩm ngành cao su, bán buôn máy móc thiết bị ngành cao su.	Đang hoạt động	42
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và vật tư kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường	Đang hoạt động	100
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác	Đang hoạt động	91

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 20 công ty con như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Tư nhân NHSS	Singapore	Kinh doanh thương mại, mua bán các sản phẩm: đường, phụ phẩm từ hoạt động chế biến đường (mật rỉ)	Đang hoạt động	100
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận,	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ và cồn thực phẩm; và kinh doanh xăng dầu và khí gas	Đang hoạt động	92
Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp	Đang hoạt động	100
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống	Đang hoạt động	98
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	Đang hoạt động	100
Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	Đang hoạt động	100
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Kontum	Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất đường, sản xuất hoá chất cơ bản, trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác, sản xuất truyền tải và phân phối điện.	Đang hoạt động	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ).

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 303.830.405 cổ phiếu mới để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai, trước đây là Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("TTC Biên Hòa") theo tỷ lệ 1:1,02. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017. Theo đó, Công ty nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong công ty này.

Nghiệp vụ này được xác định là hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung bởi vì cả Công ty và TTC Biên Hòa đều dưới sự kiểm soát chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Theo đó, TTC Biên Hòa được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ như được trình bày tại Thuyết minh số 3.11. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần so với giá phí hợp nhất kinh doanh được trình bày như một khoản phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong các công ty dưới đây và theo đó, các công ty này trở thành công ty con của Công ty.

	% sở hữu trước hoán đổi	% sở hữu sau hoán đổi
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	40	100
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	39	82
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	24	73
Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong	-	42
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	62	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tiền mặt	7.815.842.656	2.051.075.445
Tiền gửi ngân hàng	246.901.350.019	200.541.958.199
Các khoản tương đương tiền (*)	192.250.000.000	-
TỔNG CỘNG	446.967.192.675	202.593.033.644

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 0,5% đến 5,0% một năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến
báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:**

Mua lại công ty con thông qua việc hoán đổi cổ phiếu phát hành mới	9.205.455.771.500	-
---	-------------------	---

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu niêm yết				
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("VNG")	3.588.880	49.946.443.455	-	-
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("VNM")	-	-	217.400	32.072.009.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CI")	-	-	421.100	16.296.563.595
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà ("SJS")	-	-	523.650	15.825.065.546
- Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	-	-	200.000	5.186.327.840
Đầu tư khác		46.753.922.685		46.207.885.863
TỔNG CỘNG		96.700.366.140		115.587.852.769
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.478.779.955)		(3.701.866.690)
GIÁ TRỊ THUẦN		90.221.586.185		111.885.986.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 6,8% một năm.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trị giá 204.000.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

8.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu bên khác	887.026.387.310	345.338.250.199
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	382.397.399.996	63.752.010.000
- Khách hàng khác	504.628.987.314	281.586.240.199
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 34)	813.177.567.171	217.187.971.335
TỔNG CỘNG	1.700.203.954.481	562.526.221.534
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(3.807.955.936)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	1.696.395.998.545	562.526.221.534

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 1.700.203.954.481 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.860.993.430	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.020.394.534	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(73.432.028)	-
Số cuối kỳ	3.807.955.936	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

8.2 Trả trước cho người bán

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn	2.431.354.225.778	1.161.739.185.942
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.227.203.721.800	578.198.519.644
Trả trước cho bên khác	1.204.150.503.978	583.540.666.298
Trong đó:		
- Nông dân (*)	964.002.966.460	492.196.315.484
- Các khoản trả trước khác	240.147.537.518	91.344.350.814
Dài hạn	144.556.594.867	87.265.337.933
Trả trước cho nông dân (*)	144.556.594.867	87.265.337.933
TỔNG CỘNG	2.575.910.820.645	1.249.004.523.875
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(62.045.599.974)	(29.822.442.780)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.513.865.220.671	1.219.182.081.095

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất từ 9,6% đến 10,8% một năm.

Khoản trả trước cho người bán trị giá 151.924.440.183 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	29.822.442.780	24.882.892.556
Tăng do hợp nhất kinh doanh	18.745.013.927	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	17.072.684.491	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.594.541.224)	(1.150.166.924)
Số cuối kỳ	62.045.599.974	23.732.725.632

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 34)	897.935.000.000	285.800.000.000
Phải thu bên khác (*)	122.107.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.020.042.000.000	285.800.000.000

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6.0% đến 8.5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn	521.723.783.122	97.453.892.875
Phải thu chuyển nhượng cổ phiếu	311.869.351.935	13.349.424.000
Lãi phải thu	147.887.417.497	50.394.140.217
Tạm ứng nhân viên	16.635.988.254	15.427.146.238
Phải thu lợi nhuận được chia	7.288.838.895	7.288.838.895
Khoản chi hộ	6.671.728.057	3.197.194.328
Khác	31.370.458.484	7.797.149.197
Dài hạn	485.572.096.537	160.138.919.903
Ký quỹ thuê đất	471.890.775.531	147.431.494.903
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia (*)	12.707.425.000	12.707.425.000
Khác	973.896.006	-
TỔNG CỘNG	1.007.295.879.659	257.592.812.778
Dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(12.747.765.869)	(9.933.281.049)
GIÁ TRỊ THUẦN	994.548.113.790	247.659.531.729
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên khác</i>	<i>235.748.994.753</i>	<i>154.928.057.701</i>
<i>Phải thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 34)</i>	<i>758.799.119.037</i>	<i>92.731.474.028</i>

(*) Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 12.707.425.000 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Nhóm Công ty và Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng để phát triển dự án trồng mía ở Campuchia với thời hạn 10 (mười) năm. Nhóm Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Nhóm Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	9.933.281.049	9.835.999.158
Tăng do hợp nhất kinh doanh	182.462.138	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.169.448.190	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(537.425.508)	(5.401.867.534)
Số cuối kỳ	12.747.765.869	4.434.131.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Nguyên vật liệu	781.070.171.668	226.442.965.630
Thành phẩm	644.610.641.253	1.623.410.045.466
Hàng hóa	502.917.513.608	64.744.311.694
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	433.821.468.740	37.815.300.158
Hàng mua đang đi đường	176.788.323.063	-
Công cụ và dụng cụ	25.745.328.205	5.413.700.752
Hàng gửi đi bán	27.655.413.011	1.909.197.652
TỔNG CỘNG	2.592.608.859.548	1.959.735.521.352
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.852.198.739)	(1.640.639.250)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.589.756.660.809	1.958.094.882.102

Hàng tồn kho trị giá 2.506.489.699.276 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	1.640.639.250	819.491.576
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.211.559.489	821.147.674
Số cuối kỳ	2.852.198.739	1.640.639.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn	470.080.954.305	63.048.737.092
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	42.700.522.524	39.628.442.299
Chi phí ngoài vụ chờ phân bổ	380.066.300.954	16.234.914.961
Tiền thuê đất trả trước	18.941.860.000	-
Khác	28.372.270.827	7.185.379.832
Dài hạn	1.428.470.152.861	44.416.155.370
Vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất (*)	1.127.137.060.411	-
Tiền thuê đất trả trước	243.366.338.545	28.952.284.022
Công cụ, dụng cụ	15.467.029.101	2.126.710.740
Khác	42.499.724.804	13.337.160.608
TỔNG CỘNG	1.898.551.107.166	107.464.892.462

(*) Vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất thể hiện các chi phí về đất và chi phí phát triển nông trường trồng mía của Nhóm Công ty tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và đã được đánh giá lại theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/TĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017 (Thuyết minh số 19).

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	482.570.872.562	2.541.179.284.521	48.706.683.631	12.814.990.998	63.179.479.291	3.148.451.311.003
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.175.376.538.616	3.358.720.200.053	244.487.225.991	28.161.365.040	12.716.894.686	4.819.462.224.386
Mua mới	5.880.179.466	82.104.116.012	1.872.782.814	1.928.185.100	1.511.086.283	93.296.349.675
Đầu tư XD CB hoàn thành	36.747.681.101	88.586.426.958	526.827.543	1.565.524.923	5.275.299.224	132.701.759.749
Xóa sổ	(619.126.497)	(101.274.577.335)	(2.061.863.483)	(1.089.487.066)	-	(105.045.054.381)
Thanh lý	(284.032.749)	(4.948.999.437)	(9.562.795.911)	(155.538.171)	-	(14.951.366.268)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.606.523.664	17.502.692.144	2.915.335.442	50.160.029	84.247.817	33.158.959.096
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.712.278.636.163	5.981.869.142.916	286.884.196.027	43.275.200.853	82.767.007.301	8.107.074.183.260
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	100.959.652.898	377.148.786.292	28.694.699.204	9.727.065.140	58.493.250.530	575.023.454.064
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	253.340.065.442	1.583.082.034.461	21.658.460.904	8.433.759.500	58.865.557.351	1.925.379.877.658
Tăng do hợp nhất kinh doanh	334.811.196.643	1.146.732.279.169	96.566.922.904	12.893.300.462	6.282.766.322	1.597.286.465.500
Khấu hao trong kỳ	60.943.518.123	209.761.068.992	10.312.113.149	2.590.978.297	798.785.477	284.406.464.038
Xóa sổ	(619.126.497)	(101.258.330.544)	(2.061.863.483)	(1.089.487.066)	-	(105.028.807.590)
Thanh lý	(94.031.809)	(3.609.357.681)	(6.741.932.374)	(128.505.502)	-	(10.573.827.366)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.197.685.690	4.690.561.013	844.791.131	2.710.095	22.214.332	7.757.962.261
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	650.579.307.592	2.839.398.255.410	120.578.492.231	22.702.755.786	65.969.323.482	3.699.228.134.501
Giá trị còn lại:						
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	229.230.807.120	958.097.250.060	27.048.222.727	4.381.231.498	4.313.921.940	1.223.071.433.345
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.061.699.328.571	3.142.470.887.506	166.305.703.796	20.572.445.067	16.797.683.819	4.407.846.048.759
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 25)	812.583.676.461	1.633.350.224.891	111.791.703.979	1.393.538.202	3.533.507.621	2.562.652.651.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Máy móc và thiết bị

Nguyên giá:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	73.767.448.385
Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>77.957.912.891</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>151.725.361.276</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	11.075.222.754
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.697.309.778
Khấu hao trong kỳ	<u>4.930.072.412</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>27.702.604.944</u>

Giá trị còn lại:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>62.692.225.631</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>124.022.756.332</u>

Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
				VND
Nguyên giá:				
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	156.965.788.459	15.812.161.238	-	172.777.949.697
Tăng do hợp nhất kinh doanh	43.491.985.550	2.509.271.865	7.741.067.785	53.742.325.200
Mua mới	7.410.755.403	865.048.420	-	8.275.803.823
Thanh lý	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	207.868.529.412	18.986.481.523	7.741.067.785	234.596.078.720
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	3.371.826.394	4.794.962.597	1.919.875.468	10.086.664.459
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	8.886.205.537	7.361.051.062	-	16.247.256.599
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.188.556.202	2.109.448.062	3.242.724.389	16.540.728.653
Hao mòn trong kỳ	2.455.798.239	1.232.524.367	120.990.624	3.809.313.230
Thanh lý	-	(72.222.228)	-	(72.222.228)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	22.530.559.978	10.630.801.263	3.363.715.013	36.525.076.254
Giá trị còn lại:				
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	148.079.582.922	8.451.110.176	-	156.530.693.098
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	185.337.969.434	8.355.680.260	4.377.352.772	198.071.002.466
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 25)	128.939.746.046	-	-	128.939.746.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	108.764.596.789	29.296.423.000	138.061.019.789
Tăng do hợp nhất kinh doanh	42.533.352.370	36.372.780.600	78.906.132.970
Thanh lý	(42.533.352.370)	(17.560.643.130)	(60.093.995.500)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	108.764.596.789	48.108.560.470	156.873.157.259
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.157.412.824	4.785.349.971	6.942.762.795
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.835.556.825	9.570.553.470	12.406.110.295
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	2.547.615.650	976.833.825	3.524.449.475
Thanh lý	(3.190.001.428)	(1.317.048.236)	(4.507.049.664)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.350.583.871	14.015.689.030	18.366.272.901
Giá trị còn lại:			
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	106.607.183.965	24.511.073.029	131.118.256.994
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	104.414.012.918	34.092.871.440	138.506.884.358
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 25)	-	33.959.527.098	33.959.527.098

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ trên cơ sở bất động sản đầu tư vì hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Cải tạo nhà máy và văn phòng	165.662.988.912	3.271.803.998
Dự án kho bãi	67.456.314.152	14.663.199.577
Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị đang lắp đặt	61.623.788.780	40.287.428.624
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia	39.682.366.555	-
Dự án Nhà máy điện mặt trời Thành Long	23.512.416.107	-
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	23.096.818.153	16.454.088.618
Khác	29.221.927.185	3.980.053.529
TỔNG CỘNG	410.256.619.844	78.656.574.346

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 146.798.348.412 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 1.129.457.520 VND (kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.188.241.164 VND) vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	189.248.116.977	1.372.916.355.311
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	535.168.402.664	770.062.384
TỔNG CỘNG	724.416.519.641	1.373.686.417.695
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(770.062.384)	(770.062.384)
GIÁ TRỊ THUẦN	723.646.457.257	1.372.916.355.311

Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
		Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Khoai mì Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì và các sản phẩm liên quan đến tinh bột khoai mì	120.717.668.745	30,00	-	-
Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì và các sản phẩm liên quan đến tinh bột khoai mì; thực hiện quyền xuất nhập khẩu các sản phẩm có liên quan đến tinh bột khoai mì như: tinh bột khoai mì, sorbitol, mạch nha, bột báng, bột biến tính, miến, mì lát và sản xuất khí đốt, nhiên liệu bằng đường ống	29.729.211.507	30,00	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Kinh doanh bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng và quản lý khu công nghiệp	8.442.075.929	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm có đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	30.359.160.796	20,10	31.270.453.325	20,10
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Công (*)	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, khai thác nước ngầm, thoát nước và xử lý nước thải	-	-	210.985.942.196	49,00
Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu (**)	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; và bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	-	-	522.424.985.089	40,00

Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
		Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre (****)	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa và hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính	-	-	410.928.536.143	48,99
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (**)	Trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường	-	-	136.237.450.556	39,23
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (***)	Sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây làm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp	-	-	61.068.988.002	30,54
TỔNG CỘNG		189.248.116.977		1.372.916.355.311	

(*) Trong kỳ, Nhóm Công ty hoàn tất việc chuyển nhượng 16.500.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Công ("KCN TTC"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Công giảm còn 16% và công ty này không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty.

(**) Các khoản đầu tư trong các công ty này trở thành khoản đầu tư vào công ty con do giao dịch hoán đổi cổ phiếu (Thuyết minh số 4).

(***) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre hoàn tất việc phát hành thêm 108.000.000 cổ phiếu mới để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, Công ty TNHH MTV Sản xuất Chế biến Chi xơ dừa và Công ty Cổ phần Thực phẩm và Đồ uống Thành Thành Công. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre giảm còn 13,50% và công ty này không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

VND

Giá gốc của khoản đầu tư:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.394.836.191.375
Tăng do hợp nhất kinh doanh	148.353.976.123
Giảm do trở thành công ty con	(715.761.711.375)
Giảm khác	(647.495.280.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	179.933.176.123

Phân lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(21.919.836.064)
Phân lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	57.633.908.456
Giảm do trở thành công ty con	(3.969.712.272)
Giảm khác	(22.429.419.266)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.314.940.854

Giá trị còn lại

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.372.916.355.311
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	189.248.116.977

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	(VND)		(VND)	
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	79.252.614.703	16,00	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	427.213.566.740	13,50	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	17.360.136.000	13,08	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Tây Ninh	3.169.076.898	3,87	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Sản xuất – Thương mại Thành Thành Công	7.182.945.939	5,73	-	-
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	220.000.000	1,00	-	-
Đầu tư dài hạn khác	770.062.384		770.062.384	
TỔNG CỘNG	535.168.402.664		770.062.384	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(770.062.384)		(770.062.384)	
GIÁ TRỊ THUẦN	534.398.340.280		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	19.357.741.738
Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	264.467.894.706
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	283.825.636.444

Giá trị khấu trừ lũy kế:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.387.604.804
Phân bổ trong kỳ	14.512.168.933
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	17.899.773.737

Giá trị còn lại:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	15.970.136.934
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	265.925.862.707

(*) Bao gồm lợi thế thương mại phát sinh từ việc điều chỉnh theo giá trị hợp lý tài sản của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu, một công ty con được mua lại vào tháng 5 năm 2017, theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/TĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017 (Thuyết minh số 33.3).

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)	437.050.341.237	72.090.149.385
Phải trả bên khác	259.993.032.730	53.733.717.511
Trong đó:		
- Nông dân	71.772.708.052	15.190.523.170
- Khác	188.220.324.678	38.543.194.341
TỔNG CỘNG	697.043.373.967	125.823.866.896

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	171.200.136.703	87.662.305.831
Bên khác	28.817.505.096	2.383.645.743
TỔNG CỘNG	200.017.641.799	90.045.951.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.709.399.502	9.497.453.844
Thuế giá trị gia tăng	13.139.234.384	6.509.048.833
Thuế thu nhập cá nhân	6.188.751.795	740.275.598
Khác	47.930.801	135.079.767
TỔNG CỘNG	72.085.316.482	16.881.858.042

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí lãi vay	168.700.911.368	25.826.267.537
Chi phí vận chuyển	25.664.047.356	3.066.398.571
Trích trước chi phí thuê nhà thầu	18.597.113.762	-
Chi phí sản xuất trích trước	15.924.457.394	-
Chi phí thu hoạch trích trước	14.579.555.645	-
Chiết khấu thương mại	13.495.920.497	-
Khác	73.524.006.061	25.612.554.808
TỔNG CỘNG	330.486.012.083	54.505.220.916

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn	84.309.019.850	7.293.806.406
Khoản phải trả Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	-
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	16.868.984.751	1.524.007.192
Chi phí được chi hộ	6.241.168.515	-
Ký quỹ	2.528.731.106	1.116.657.796
Khác	25.497.429.228	4.653.141.418
Dài hạn		
Ký quỹ	6.627.280.960	6.338.567.960
TỔNG CỘNG	90.936.300.810	13.632.374.366
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả bên khác	89.005.683.821	12.432.374.366
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.930.616.989	1.200.000.000

(*) Khoản phải trả Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd theo Hợp đồng ngày 16 tháng 6 năm 2014 để nhận chuyển nhượng dự án trồng mía và sản xuất đường tại Campuchia.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Vay ngắn hạn	2.849.665.687.097	11.185.315.879.082	(8.119.800.236.502)	5.746.372.156	5.920.927.701.833
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.1)					
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 25.2)	2.606.272.712.011	10.750.695.845.084	(7.978.012.949.140)	4.278.549.156	5.383.234.157.111
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác (Thuyết minh số 25.3)	82.719.804.000	301.633.052.560	(119.471.356.936)	1.467.823.000	266.349.322.624
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan (Thuyết minh số 25.4)	1.720.000.000	860.000.000	(860.000.000)	-	1.720.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.5)	2.386.342.000	-	(2.386.342.000)	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.5)	147.404.000.000	101.774.766.669	(2.728.300.009)	-	246.450.466.660
	9.162.829.086	30.352.214.769	(16.341.288.417)	-	23.173.755.438
Vay dài hạn	1.501.308.812.287	1.769.610.294.668	(148.804.763.664)	10.176.834.143	3.132.291.177.434
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.2)					
Vay dài hạn bên khác (Thuyết minh số 25.3)	297.086.721.220	801.586.777.209	(133.041.632.896)	10.176.834.143	975.808.699.676
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 25.4)	2.690.000.000	-	(860.000.000)	-	1.830.000.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 25.4)	4.772.682.000	-	(4.772.682.000)	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn (Thuyết minh số 25.5)	1.162.398.800.000	930.520.833.336	-	-	2.092.919.633.336
	34.360.609.067	37.502.684.123	(10.130.448.768)	-	61.732.844.422
TỔNG CỘNG	4.350.974.499.384	12.954.926.173.750	(8.268.605.000.166)	15.923.206.299	9.053.218.879.267

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	640.485.817.176	-	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018	Nhà cửa và vật kiến trúc, phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
	44.799.100.943	1.970.000	Ngày 24 tháng 1 năm 2018	Nhà cửa và vật kiến trúc, phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	499.754.944.221	-	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	Quyền sử dụng thửa đất số 3105 toạ lạc tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
				Quyền sử dụng đất thừa đất số 49 tại Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	29.640.650.248	-	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
	386.943.811.175	-	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	Khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị 300.000.000.000 VND
	90.817.950.000	-	Từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến ngày 4 tháng 3 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại số 1207/2017/HĐKT-BHS-NHS
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	279.775.750.641	-	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2018	Tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 120.000.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị 300.000.000.000 VND

Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	154.148.695.242	-	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2018 đến ngày 23 tháng 4 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
	66.028.928.663	-	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2018 đến ngày 17 tháng 5 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 100.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	124.700.000.000	-	Từ ngày 11 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 4 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 15.000.000 đô la Mỹ
	113.899.090.399	-	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2018 đến ngày 24 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 18.750.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hồ Chí Minh	89.582.695.215	-	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 3 tháng 3 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 3.125.000 đô la Mỹ, bảo lãnh từ Công ty TNHH MTV TTC Biên Hòa – Đồng Nai
	16.518.990.100	-	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2018 đến ngày 12 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.250.000 đô la Mỹ
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 120.000.000.000 VND và 7.300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công
	118.774.692.416	-	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2018 đến ngày 8 tháng 5 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.600.000 đô la Mỹ
	76.464.389.028	-	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 50.000.000.000 VND

Công ty Cổ phần Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	721.470.737	-	Ngày 12 tháng 1 năm 2018	Hàng tồn kho và quyền thụ hưởng bảo hiểm hàng tồn kho tối với giá trị tối thiểu 250.000 đô la Mỹ, khoản phải thu và bảo lãnh từ Công ty TNHH MTV TTC Biên Hòa – Đồng Nai
Ngân hàng DBS Bank Ltd – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	177.682.773.943	-	Từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 11.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	177.467.596.023	-	Từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 26 tháng 6 năm 2018	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	175.096.519.596	-	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 2 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 150.000.000.000 VND
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	157.846.986.900	-	Từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2018	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 84.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	145.718.248.781	-	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2018 đến ngày 20 tháng 6 năm 2018	Tin chấp

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng Malaysian Banking Bernhard – Chi nhánh Hồ Chí Minh	53.500.000.000	-	Ngày 27 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 10.000.000 đô la Mỹ
	50.338.969.223	2.210.758	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 10.000.000 đô la Mỹ
	18.877.493.182	-	Từ ngày 13 tháng 6 năm 2018 đến ngày 20 tháng 6 năm 2018	Khoản phải thu với giá trị 50.000.000.000 VND
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu (*)	112.765.137.560	4.968.236	Từ ngày 24 tháng 2 năm 2017 đến ngày 17 tháng 8 năm 2017	Khách sạn Hoàng Anh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, hàng tồn kho và máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	99.991.500.000	-	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2018 đến ngày 8 tháng 6 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	99.831.499.057	4.390.000	Ngày 24 tháng 1 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	99.431.627.000	-	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2018 đến ngày 24 tháng 4 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 150.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hòa Hưng	97.900.000.000	-	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2018 đến ngày 16 tháng 2 năm 2018	Khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND

(*) Đây là khoản vay đã quá hạn của Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu, một công ty con được mua lại vào tháng 5 năm 2017, và Nhóm Công ty đang trong quá trình thương thảo sau khi chuyển đổi chủ sở hữu từ việc mua lại công ty này.

Công ty Cổ phần Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn	97.766.542.657	- Từ ngày 12 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 143.750.000.000 VND
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	80.856.533.431	- Từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	Khoản phải thu với giá trị 100.000.000.000 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	79.100.000.000	- Từ ngày 18 tháng 5 năm 2018 đến ngày 11 tháng 6 năm 2018	Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Thành Công – Biên Hòa
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	48.172.307.244	- Từ ngày 23 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2018	Toàn bộ tài sản cố định; hàng tồn kho với giá trị 30.000.000.000 VND và các quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng thương mại của Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong
	19.364.647.369	- Từ ngày 11 tháng 6 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2018	Quyền sử dụng đất theo các hợp đồng thế chấp
	18.970.532.050	- Từ ngày 2 tháng 1 năm 2018 đến ngày 7 tháng 5 năm 2018	Bất động sản đầu tư và tài sản cố định
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội	76.556.687.500	- Từ ngày 6 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
	1.377.406.481	- Ngày 26 tháng 6 năm 2018	Khoản phải thu với giá trị 50.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	76.282.468.553	- Từ ngày 5 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	Phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị

Công ty Cổ phần Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	69.000.000.000	-	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 126.000.000.000 VND
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Hồ Chí Minh	67.302.551.273	-	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2018 đến ngày 7 tháng 6 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	42.242.400.000	-	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
	18.445.875.000	-	Từ ngày 19 tháng 5 năm 2018 đến ngày 27 tháng 5 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng đầu tư trả trước cho nông dân với giá trị 142.885.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
	12.375.817.775	-	Từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018	Khoản trả trước cho người bán và hàng tồn kho với giá trị 18.078.880.365 VND
Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở Giao dịch	59.995.095.400	-	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2018 đến ngày 15 tháng 2 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	49.500.000.000	-	Ngày 28 tháng 5 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 100.000.000.000 VND và cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thanh Công
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	49.172.353.750	-	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 5 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại số 1207/2017/HĐKT-BHS-NHS
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	43.726.375.000	-	Ngày 28 tháng 5 năm 2018	Khoản phải thu với giá trị 6.000.000 USD

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Khánh Hòa	20.000.000.000	-	Ngày 27 tháng 6 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại số 0108/2016/HĐKT-BHS-NHS
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang	18.642.396.709	-	Ngày 17 tháng 5 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng đầu tư trả trước cho nông dân với giá trị 142.885.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tây Ninh	15.000.000.000	-	Ngày 28 tháng 2 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	2.300.000.000	-	Ngày 1 tháng 6 năm 2018	Tín chấp
	11.995.116.200	-	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2018 đến ngày 12 tháng 2 năm 2018	Máy móc thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	3.583.723.250	-	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2018 đến ngày 3 tháng 4 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	2.000.000.000	-	Ngày 22 tháng 5 năm 2018	Tín chấp
TỔNG CỘNG	5.383.234.157.111	13.538.994		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	537.293.925.687	23.672.235	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2018 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	Công trình xây dựng, hệ thống thiết bị nhà máy đường và nhà máy nhiệt điện hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	187.927.939.972	-	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 1 tháng 4 năm 2022	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
	113.130.400.000	-	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	Tài sản cố định hình thành từ khoản vay
	15.511.322.088	-	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Dak Lak	70.001.000.000	-	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2018 đến ngày 25 tháng 3 năm 2023	Quyền sử dụng đất số 3106 tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
	45.662.000.000	-	Ngày 23 tháng 12 năm 2021	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
	12.819.192.452	-	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2018 đến ngày 8 tháng 1 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Sài Gòn	76.590.952.819	-	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2018 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay

Công ty Cổ phần Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	61.353.551.812	-	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dự án Trung tâm Nhiệt điện
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	28.763.000.000	-	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2018 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Quyền sử dụng đất thừa số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	28.013.216.350	-	Ngày 3 tháng 7 năm 2018	Quyền sử dụng đất thừa số 01 tại Xã Ninh Xuân, Huyện Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa và tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	21.240.978.711	-	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến ngày 16 tháng 6 năm 2022	Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	10.027.208.381	-	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2018 đến ngày 15 tháng 4 năm 2020	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	9.867.582.470	-	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2018 đến ngày 26 tháng 9 năm 2020	Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.060.240.000	-	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2019	Máy móc hình thành từ khoản vay

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	8.009.969.558	-	Từ ngày 30 tháng 8 năm 2018 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	Phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	4.223.542.000	-	Từ ngày 14 tháng 4 năm 2018 đến ngày 14 tháng 10 năm 2019	Unsecured
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	2.662.000.000	-	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2018 đến ngày 15 tháng 2 năm 2020	Máy móc hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	1.242.158.022.300	23.672.235		

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	266.349.322.624
Vay dài hạn	975.808.699.676

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn bên khác

Chi tiết khoản vay dài hạn bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		
Quỹ Bảo vệ Môi trường rừng	3.550.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2019	Bảo lãnh từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000		
Vay dài hạn	1.830.000.000		
Khoản vay dài hạn từ bên khác được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất 5,40% một năm			

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay
	VND		
Phát hành theo mệnh giá			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hội sở Thành phố Hồ Chí Minh (*)	534.588.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (*)	356.392.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	397.403.333.327	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2018 đến ngày 27 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (***)	420.597.566.669	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2019 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	Thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (****)	630.389.200.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2019 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	
	2.339.370.099.996		
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	246.450.466.660		
Trái phiếu dài hạn	2.092.919.633.336		

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau: (tiếp theo)

(*) Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,6% một năm.

Hình thức đảm bảo

Quyền sử dụng đất thừa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.

(**) Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng công bố của các Ngân hàng thương mại gồm: Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,75% một năm.

Hình thức đảm bảo

- Công trình xây dựng trên đất - Nhà máy Đường Biên Hoà - Trị An tại thửa đất số 09, Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai và máy móc thiết bị tại nhà máy;
- Bất động sản tại thửa đất số 329, Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai; và
- Toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau: (tiếp theo)

(***) *Lãi suất trái phiếu*

Lãi suất trái phiếu sẽ được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định xác định tại ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ bảy (7) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi đối với các kỳ tính lãi tiếp theo; và bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) với biên độ 3,2% một năm.

Hình thức đảm bảo

- Quyền thuê đất theo Hợp đồng số 8011/TNM ngày 19 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu") và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 51 héc-ta tại Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản là động sản và bất động sản gắn liền với đất và các quyền, lợi ích và quyền lợi phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
- Quyền thuê đất theo Hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2013 giữa Hoàng Anh Attapeu và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.739,9 héc-ta tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy đường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
- Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty và Công ty TNHH MTV TTC Biên Hòa - Đồng Nai tại TTC Attapeu.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.5 Thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu và Công Ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả					
Từ 1 năm trở xuống	28.012.432.779	4.838.677.341	23.173.755.438	12.752.367.380	3.589.538.294
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 – 5 năm	66.920.052.805	5.187.208.378	61.732.844.427	40.380.015.099	6.019.406.032
TỔNG CỘNG	94.932.485.584	10.025.885.719	84.906.599.865	53.132.382.479	43.523.438.153



Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016								
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.947.610.330.000	155.174.403.823	-	(40.306.862.293)	(2.165.210.735)	243.709.260.201	386.137.417.421	2.690.159.338.417
Tăng vốn trong kỳ	584.272.350.000	(146.070.770.000)	-	-	-	(233.713.240.000)	(204.488.340.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	-	40.306.862.293	-	-	-	107.097.422.535
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	174.471.747.289	174.471.747.289
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND trong kỳ	-	-	-	-	5.574.151.556	-	-	5.574.151.556
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	29.221.439.973	(29.221.439.973)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(41.402.005.807)	(41.402.005.807)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	-	3.408.940.821	39.217.460.174	285.497.378.930	2.935.900.653.990

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 *Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
								VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017								
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	-	6.812.245.007	39.217.460.174	447.942.629.859	3.101.749.209.105
Tăng vốn trong kỳ (*)	3.038.304.050.000	6.167.151.721.500	-	-	-	-	-	9.205.455.771.500
Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung	-	-	(5.412.931.424.715)	-	-	-	-	(5.412.931.424.715)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(60.507.070.429)	-	-	(60.507.070.429)
Mua thêm từ lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(586.995.992)	(586.995.992)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	254.945.077.999	254.945.077.999
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND trong kỳ	-	-	-	-	1.310.881.776	-	-	1.310.881.776
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	30.646.221.290	(30.646.221.290)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(60.241.277.064)	(60.241.277.064)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.570.186.730.000	6.243.045.915.565	(5.412.931.424.715)	-	(52.383.943.646)	69.863.681.464	583.752.225.633	7.029.194.172.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 6 tháng 9 năm 2017, Công ty đã phát hành 303.830.405 cổ phiếu mới để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1:1,02 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017.

26.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
Tăng trong kỳ	3.038.304.050.000	584.272.350.000
Số cuối kỳ	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
Cổ tức công bố	-	-
Cổ tức đã trả	-	(60.150.650)

26.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cổ phiếu)	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	557.018.673	253.188.268
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	557.018.673	253.188.268
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	557.018.673	253.188.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.4 Lãi trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đồng của Công ty (VND)	254.945.077.999	174.471.747.289
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(30.593.409.360)	(18.387.732.774)
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đồng của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	224.351.668.639	156.084.014.515
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	446.384.776	253.612.889
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	503	615

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của kỳ này theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	11.749.646.292
Tăng do hợp nhất kinh doanh	90.510.734.554
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.194.030.458
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	106.454.411.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Doanh thu gộp:	5.484.366.912.773	2.097.398.777.940
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	5.075.288.981.905	1.918.797.041.282
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	196.586.079.664	-
Doanh thu bán mật đường	54.242.095.285	31.909.565.714
Doanh thu bán điện	11.399.637.616	13.052.394.457
Doanh thu bán phân bón	52.006.646.967	12.128.858.973
Doanh thu khác	94.843.471.336	121.510.917.514
Trừ:	(15.797.560.780)	(773.971.495)
Hàng bán trả lại	(3.600.770.382)	(19.032.575)
Chiết khấu thương mại	(12.196.790.398)	(754.938.920)
Doanh thu thuần	5.468.569.351.993	2.096.624.806.445
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	5.059.504.750.165	1.918.024.315.404
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	196.586.079.664	-
Doanh thu bán mật đường	54.242.095.285	31.909.565.714
Doanh thu bán điện	11.399.637.616	13.052.394.457
Doanh thu bán phân bón	52.006.646.967	12.128.858.973
Doanh thu khác	94.830.142.296	121.509.671.897
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	3.083.554.204.868	1.416.436.864.211
Doanh thu đối với bên liên quan	2.385.015.147.125	680.187.942.234

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	271.829.882.711	26.574.211.628
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	147.955.746.265	64.576.196.812
Cổ tức	3.811.728.500	2.698.727.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.578.381.973	3.994.677.252
Khác	1.775.536.773	-
TỔNG CỘNG	433.951.276.222	97.843.812.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	20.516.716.515	-
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	15.888.563.397	-

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giá vốn bán đường	4.460.121.904.823	1.644.666.316.823
Giá vốn bán sản phẩm từ cao su	192.400.904.687	-
Giá vốn bán mật đường	50.691.759.112	29.825.218.000
Giá vốn bán điện	20.366.592.082	16.469.335.735
Giá vốn bán phân bón	51.430.494.080	11.962.751.109
Giá vốn khác	85.327.235.407	104.475.384.195
TỔNG CỘNG	4.860.338.890.191	1.807.399.005.862

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay	384.025.508.605	118.770.981.286
Chiết khấu thanh toán	8.632.372.079	-
Khác	31.292.061.833	20.061.845.789
TỔNG CỘNG	423.949.942.517	138.832.827.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.115.985.114	20.660.852.190
Chi phí nhân viên	36.680.800.895	4.083.929.694
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.082.737.154	1.794.139.876
Chi phí khác	14.977.956.993	3.122.885.463
TỔNG CỘNG	149.857.480.156	29.661.807.223
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	98.749.786.615	33.454.740.685
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	11.719.872.436	(6.552.034.458)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.214.172.676	12.737.364.048
Chi phí khấu hao và hao mòn	26.145.333.873	5.448.487.517
Chi phí khác	45.398.500.253	22.582.325.048
TỔNG CỘNG	217.227.665.853	67.670.882.840

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	3.481.819.788.619	1.676.872.405.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.596.599.491	65.345.815.536
Chi phí nhân công	215.465.098.505	68.220.885.296
Chi phí khấu hao và hao mòn	188.172.069.931	73.856.857.768
Chi phí khác	135.127.386.018	20.435.731.709
TỔNG CỘNG	4.256.180.942.564	1.904.731.695.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	70.973.467.498	18.536.180.775
Chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(168.802.067)	137.833.522
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.608.723.815)	816.767.371
TỔNG CỘNG	68.195.941.616	19.490.781.668

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	327.335.050.073	193.416.827.408
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	55.781.621.534	27.545.858.422
Các điều chỉnh:		
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	27.772.323.279	-
Thay đổi dự phòng đầu tư dài hạn	(31.162.168)	(137.866.934)
Lãi từ các công ty liên kết	(11.526.781.691)	(7.970.389.324)
Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư	(308.296.435)	5.597.015.335
Chi phí không được khấu trừ	441.403.244	133.415.876
Phân bổ lợi thế thương mại	2.902.433.787	193.577.417
Cổ tức	(593.986.500)	(269.872.700)
Thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(168.802.067)	137.833.522
Thuế TNDN được miễn	(6.072.811.367)	(5.738.789.946)
Chi phí thuế TNDN	68.195.941.616	19.490.781.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

33.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

		VND	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.603.621.099	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.434.656.415	573.205.126	861.451.289 (816.767.371)
TỔNG CỘNG	7.038.277.514	573.205.126	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tăng do hợp nhất kinh doanh	92.816.940.576	-	-
Thay đổi giá trị hợp lý tài sản thuần sau hợp nhất kinh doanh	(1.747.272.526)	-	1.747.272.526 -
TỔNG CỘNG	91.069.668.050	-	
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại		2.608.723.815	(816.767.371)

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau :

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
				VND
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần KCN TTC	412.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Thu nhập lãi Chi phí lãi Mua dịch vụ Cho vay	326.386.215.268 224.442.509.265 23.709.873.722 31.767.523.040 4.962.054.813 -	90.964.791.204 1.333.110.508 4.990.708.994 - 6.521.695.296 163.800.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Thu nhập lãi Mua dịch vụ Chi phí lãi Cung cấp dịch vụ Cho vay	543.148.514.938 228.240.352.002 12.311.416.028 11.387.545.150 5.661.261.278 279.015.819 -	34.835.195.967 - 19.646.829.593 3.118.992.902 - 98.181.819 471.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Mua nguyên liệu Thu nhập lãi Chi phí lãi	279.631.588.778 46.039.892.532 5.906.541.809 3.746.363.521 1.660.195.207	41.442.915.834 760.049.500 1.219.501.112 6.402.101.344 -
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Bán hàng hóa	693.024.556.275 530.168.630.228	747.742.994.133 433.173.248.730

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
				VND
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Bán hàng hóa Mua hàng hóa Thu nhập lãi	22.607.765.517 1.324.640.000 - -	2.104.326.544 1.099.360.000 21.456.814.000 45.424.928
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa Thu nhập lãi Cho vay	215.369.536.149 42.452.969.920 -	21.085.714.287 13.922.009.449 109.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	344.723.085 136.363.636	443.376.400 -
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Chi hộ	4.620.356.568 4.304.462.341 -	- 1.518.900.648 13.552.403.697
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Ứng trước mua nguyên liệu	50.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
				VND
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ Bán hàng hóa	4.611.405.532 276.617.661	- -
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Mua nguyên liệu	100.762.342.857 18.602.935.586 334.620.000	- - -
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kiến trúc - Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ Bán hàng hóa	3.253.977.746 4.984.935	36.264.634.115
Giao dịch với bên liên quan khác				
<i>Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>				
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND
Lương và thưởng			3.192.959.897	2.543.430.000



Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>VND</i> <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	227.553.953.397	4.525.001 48.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	219.712.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	117.326.274.397	10.520.376.000
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	111.149.625.297	59.156.583.419
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	105.787.500.000	-
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	10.905.510.072 15.355.549.204	4.096.638.534 318.505.825
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.773.270.000	45.622.500
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.974.696.084	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	306.167.140	306.167.140
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	140.261.573	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	41.960.007	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	300.000	-
Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	78.073.302.386

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>VND</i> <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	45.780.000.000
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	10.281.485.332
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Bán tài sản Bán hàng hóa	- -	7.261.165.198 754.600.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	420.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	121.000.000
TỔNG CỘNG			813.177.567.171	217.187.971.335
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	468.735.813.650	157.687.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	274.670.000.000	52.722.834.951
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua hàng hóa	209.036.624.160	211.978.074.672
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Mua dịch vụ Mua nguyên liệu	53.186.046.855 -	2.122.804.295 2.450.466.821
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	75.187.031.493	118.988.721.305
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	49.520.598.070	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	35.430.989.136	20.015.194.100

Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Trả trước cho người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	7.251.952.936	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	3.347.155.500	5.874.764.500
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	160.710.000	1.075.030.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Mua dịch vụ	126.800.000	126.800.000
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	5.156.829.000
TỔNG CỘNG			1.227.203.721.800	578.198.519.644
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần KCN TTC	307.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	40.130.760.832	3.235.305.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi Đặt cọc	16.239.652.513	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Lợi nhuận được chia Chi hộ	7.288.838.895 1.770.658.947	1.882.678.534 7.288.838.895
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	6.742.547.975	1.568.832.139
				1.831.084.444

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Chi hộ Đặt cọc	4.190.658.979 1.055.496.000	2.973.460.912 -
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Thu nhập lãi	3.307.615.996	930.358.121
Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Chi hộ	-	821.360.146
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	-	742.647.317
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Đặt cọc	-	355.059.818
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Thu nhập lãi Chi hộ	- -	280.785.366 11.552.762
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai	Bên liên quan	Chi hộ	-	131.580.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	105.041.667
TỔNG CỘNG			388.226.230.137	22.158.585.128

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	662.135.000.000	108.800.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	148.500.000.000	109.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty liên kết	Cho vay	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Công ty liên kết	Cho vay	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Cho vay	14.900.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Cho vay	-	12.000.000.000
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Cho vay	-	3.000.000.000
TỔNG CỘNG			897.935.000.000	285.800.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	-	200.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay từ 8,0% đến 9,8% một năm.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Đặt cọc	357.865.463.900	57.865.463.900
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	12.707.425.000	12.707.425.000
TỔNG CỘNG			370.572.888.900	70.572.888.900
Phải trả người bán ngắn hạn				
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	301.564.110.575	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Mua dịch vụ	66.598.357.124 -	- 100.300.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	43.355.967.120	2.461.183.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	10.184.491.452	7.127.364.214
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	7.177.085.499	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	5.983.405.186	-
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	1.507.458.419	-
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	418.670.062	1.917.610.286
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	260.795.800	577.340.000
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Đồng Nai	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	36.562.958.884
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	21.006.825.000

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	1.060.000.001
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	675.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	550.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	51.568.000
TỔNG CỘNG			437.050.341.237	72.090.149.385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	124.602.121.256	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	45.202.109.546	72.570.000.000
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.388.907.672	1.532.566.506
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.998.229	99.149.707
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	10.958.320.000
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Đồng Nai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	1.280.449.618
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	1.214.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	7.820.000
TỔNG CỘNG			171.200.136.703	87.662.305.831

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Chi phí lãi	998.813.800	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Chi phí lãi	584.568.460	-
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Chi phí lãi	297.093.373	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Chi phí lãi	44.291.356	-
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Chi phí lãi	5.850.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	-	1.200.000.000
TỔNG CỘNG			1.930.616.989	1.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Dưới 1 năm	10.860.798.340	3.804.307.240
Từ 1 – 5 năm	80.805.007.905	1.148.588.760
Trên 5 năm	89.168.869.828	-
TỔNG CỘNG	180.834.676.073	4.952.896.000

36. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Hàng hóa nhận giữ hộ		
- Thành phẩm đường (tấn)	34.851	-
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.658.755	3.566.100
- SGP	58.793	137
- EUR	250	500
- GBP	630	630
- AUD	950	950
- INR	18.140	18.140
- LAK	175.660.927	-

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Ngọc Hàn
Người lập



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2018